

Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của cư dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi dưới tác động của công nghiệp hóa

Tổng Thị Hải Hạnh*, Hoàng Hồng Hiệp**

Nhận ngày 21 tháng 3 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 6 năm 2023.

Tóm tắt: Sử dụng bộ dữ liệu sơ cấp được thu thập từ cuộc điều tra bằng bảng hỏi các hộ gia đình tại các xã thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, nghiên cứu¹ tập trung lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình. Kết quả ước lượng bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) chỉ ra rằng, thu nhập từ hoạt động công nghiệp đóng vai trò then chốt trong tổng thu nhập của hộ. Tuy nhiên, phát triển công nghiệp tại huyện Bình Sơn chưa thúc đẩy đáng kể hoạt động thương mại quy mô hộ gia đình. Đặc biệt, sinh kế dựa vào nông nghiệp tạo ra thu nhập thấp hơn đáng kể so với sinh kế dựa vào các ngành nghề khác. Liên quan đến các nhân tố nhân khẩu học, trình độ học vấn của các thành viên hộ, tuổi chủ hộ, số nhân khẩu, số lao động đều có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến nâng cao thu nhập của hộ. Trên cơ sở các kết quả định lượng, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao thu nhập cho cộng đồng cư dân huyện Bình Sơn.

Từ khóa: Công nghiệp hoá, huyện Bình Sơn, sinh kế, tỉnh Quảng Ngãi.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: Using the primary data set collected from the survey by questionnaire of households in the communes of Bình Sơn district, Quảng Ngãi province, this research focuses on quantifying the factors affecting income of households. Estimation results by ordinary least squares (OLS) indicate that income from industrial activities plays a key role in total household income. However, industrial development in Bình Sơn district has not significantly promoted household-scale commercial activities. In particular, livelihoods based on agriculture generate significantly lower income than livelihoods based on other occupations. Regarding demographic factors, education level of household members, age of household head, number of people, number of employees all have a statistically significant influence on raising household income. On the basis of quantitative results, the study proposes a number of policy implications to increase income for the community in Bình Sơn district.

Keywords: Industrialization, Bình Sơn district, livelihood, Quảng Ngãi province.

Subject classification: Economics

1. Đặt vấn đề

Quá trình phát triển công nghiệp lọc dầu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến biến đổi kinh tế - xã hội của địa phương, cộng đồng cư dân. Trong đó, các tác động về mặt kinh tế đã được phân tích ở nhiều công trình nghiên cứu. Nanok and Onyango (2017) chỉ ra rằng, công nghiệp lọc hoá dầu giúp gia tăng giá trị đất đai và phát triển thương mại. Trong khi đó, Chaudhuri và Ray (2019) chứng minh công nghiệp lọc hoá dầu làm tăng thu nhập cho người dân và nguồn thuế cho chính phủ. Dowokpor (2015), Ebegbulen và cộng sự (2013) khẳng định công nghiệp lọc hoá dầu giúp tạo việc làm cho người dân.

*** Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: hoanghonghiệp@gmail.com

¹ Nghiên cứu này là kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ “Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và khu vực miền Trung nói chung”, thực hiện từ tháng 1/2022 đến 7/2023 do TS. Hoàng Hồng Hiệp làm chủ nhiệm đề tài, Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ là đơn vị chủ trì.

Nhà máy lọc dầu Dung Quất (NMLD Dung Quất) là nhà máy lọc hoá dầu đầu tiên của Việt Nam, được xây dựng trên địa bàn các xã Bình Trị và Bình Thuận thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích khoảng 956 ha (bao gồm 140 ha mở rộng với 485 ha mặt đất và 471 ha mặt biển). Cuối năm 2005, NMLD Dung Quất được chính thức khởi công xây dựng. Năm 2009, NMLD Dung Quất đi vào vận hành thử nghiệm, đánh dấu cho sự phát triển ngành công nghiệp lọc hoá dầu của Việt Nam. Nhà máy hoạt động với công suất chế biến vào khoảng 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, dự kiến tăng lên 8,5 triệu tấn dầu thô/năm sau khi mở rộng diện tích (Tấn Việt và Hà Hải, 2019). Từ khi đi vào hoạt động, NMLD Dung Quất có nhiều đóng góp lớn cho ngân sách tỉnh Quảng Ngãi và ngân sách Trung ương. Bên cạnh đó, sự hiện diện của NMLD Dung Quất đã và đang giúp tỉnh Quảng Ngãi thu hút mạnh dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước; góp phần giải quyết việc làm cho hơn 70.000 lao động địa phương (Hà Phương, 2022). Có thể khẳng định, NMLD Dung Quất là nền tảng ban đầu của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của huyện Bình Sơn và tỉnh Quảng Ngãi.

Sử dụng dữ liệu điều tra sơ cấp 1.700 hộ cư dân thuộc huyện Bình Sơn, bài viết này tập trung lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi dưới ảnh hưởng của công nghiệp hóa gắn với ảnh hưởng của NMLD Dung Quất. Từ kết quả nghiên cứu định lượng, bài báo đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm cải thiện sinh kế cho cộng đồng cư dân địa phương trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình

Trên thế giới, các nghiên cứu về thu nhập và lượng hóa những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình được thực hiện tương đối đa dạng trên nhiều đối tượng và phạm vi tiếp cận khác nhau, song tập trung nghiên cứu chủ yếu các hộ gia đình tại các quốc gia đang phát triển. Trên cơ sở các dữ liệu điều tra thu thập được từ 194 hộ thuộc ba ngôi làng của quận Tamil Nadu (Ấn Độ), sử dụng các mô hình hồi quy đa biến, Sujithkumar (2008) kiểm tra mức độ đa dạng hoá thu nhập giữa các tầng lớp khác nhau của các hộ gia đình nông thôn, đồng thời nhận diện những nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến sự đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình này. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, các hộ gia đình có thu nhập chủ yếu từ hoạt động nông nghiệp duy trì thu nhập đa dạng hơn so với các hộ gia đình phi nông nghiệp. Đồng thời, có sự khác biệt ý nghĩa trong đa dạng hoá thu nhập giữa các nhóm thu nhập, các nhóm thu nhập thấp có mức độ đa dạng hóa thấp và mức độ đa dạng hóa tăng cùng với sự gia tăng thu nhập. Tuy nhiên, nhóm có thu nhập bình quân đầu người cao nhất không đạt được đa dạng hóa ở mức cao nhất. Đa dạng hóa thu nhập bị ảnh hưởng đáng kể bởi quyền sở hữu tài sản: hộ gia đình có nhiều đất canh tác thì ít có sự đa dạng về thu nhập và hộ có nhiều gia súc sẽ mang đến sự đa dạng hóa thu nhập cao hơn. Đa dạng hóa thu nhập cũng tương quan dương với số lượng các lao động trong hộ gia đình, vì hộ có nhiều người lao động sẽ có thể tham gia vào các hoạt động tạo thu nhập khác nhau, điều đó làm giảm các rủi ro liên quan đến biến động giá cả và thu nhập, làm nâng cao mức thu nhập của hộ gia đình. Cuối cùng, chủ hộ gia đình có một vai trò quan trọng đối với sự đa dạng hóa thu nhập, chủ hộ lớn tuổi mang đến mức độ đa dạng hóa cao, chủ hộ là nam giới mang đến sự đa dạng hơn so với chủ hộ là nữ giới.

Senadza (2012) nghiên cứu các nhân tố của sự đa dạng hóa thu nhập phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn Ghana. Kết quả khảo sát cho thấy, thu nhập phi nông nghiệp chiếm 43% thu nhập hộ gia đình nông thôn trong giai đoạn 2005-2006. Hộ gia đình có phụ nữ làm chủ hộ thì xu hướng có phần thu nhập ngoài nông nghiệp lớn hơn so với hộ do nam giới làm chủ hộ. Không giống như ở Mỹ Latin và châu Á, thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp tự thân (non-farm self-employment income) ở khu vực nông thôn Ghana là quan trọng hơn so với thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp được trả lương (non-farmwage-employment income). Kết quả hồi quy cũng chỉ ra rằng, cơ cấu

giới tính của hộ gia đình, tuổi tác, giáo dục, tiếp cận tín dụng, điện và thị trường là nhân tố quan trọng của các hoạt động phi nông nghiệp và thu nhập phi nông nghiệp. Những phát hiện này có thể giúp cho các hộ gia đình nông thôn tối đa hóa lợi ích từ việc đa dạng hóa thu nhập. Cũng nghiên cứu về đa dạng hóa thu nhập, Cunguara và Kajisa (2008) nhận thấy rằng, hộ có nguồn thu nhập phi nông nghiệp; chủ hộ có số năm đi học cao hơn hẳn so với các hộ nghèo; quy mô diện tích đất mà hộ nắm giữ và việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất là những hộ thoát nghèo hoặc là những hộ không thuộc nhóm hộ nghèo. Ngoài ra, những hộ có cơ cấu thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp càng lớn, thì khả năng thoát nghèo càng cao.

Kết quả nghiên cứu của Krishna (2004) tại 35 ngôi làng ở bang Rajasthan, Ấn Độ cho thấy các hộ gia đình khác nhau thường đi theo những quỹ đạo kinh tế rất khác nhau. Có 11,1% trong tổng số 6.376 hộ ở những ngôi làng này đã thoát khỏi cảnh nghèo trong 25 năm qua, trong khi có 7,9% số hộ lại rơi vào tình trạng nghèo khó. Ngoài ra, các hộ thoát nghèo nhờ vào một số các nhân tố chủ yếu, trong khi các hộ rơi vào cảnh nghèo đói lại gắn liền với tập hợp các nhân tố hoàn toàn khác. Điều này hàm ý cần thiết xây dựng hai tập hợp chính sách tách biệt, một để thúc đẩy việc thoát nghèo và một để ngăn chặn thực trạng rơi vào cảnh nghèo. Cuối cùng, tác giả cho rằng, đa dạng hóa thu nhập là nguyên nhân quan trọng nhất giúp các hộ nông dân thoát nghèo; các nhân tố về chăm sóc sức khỏe, nợ nần và chi phí giao tế xã hội lại chiếm đến 85% trong tất cả trường hợp bị rơi vào cảnh nghèo.

Sử dụng mô hình hồi quy Probit, Olale và Henson (2012, 2013) nghiên cứu tác động của sự đa dạng hóa thu nhập đối với thu nhập của cộng đồng ngư dân sống ven hồ Victoria của Kenya, dựa trên cơ sở dữ liệu điều tra 396 hộ ngư dân. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, sự đa dạng hóa thu nhập đã góp phần gia tăng thu nhập của lao động nghề cá. Ngoài ra, các nhân tố về trình độ giáo dục, thành viên của một hiệp hội và khả năng tiếp cận tín dụng, cũng có ảnh hưởng ý nghĩa đến sự đa dạng hóa thu nhập giữa các ngư dân.

Sử dụng các phương pháp hồi quy đa biến, Garoma và các cộng sự (2013) nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập cận biên của các hộ đánh bắt cá xung quanh Hồ Ziway và Langanjo ở Ethiopia, dựa trên cơ sở dữ liệu điều tra từ 179 hộ ngư dân thuộc bốn huyện tiếp giáp với hai hồ này. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, thu nhập biên của các hộ ngư dân rất nhạy cảm với biến đổi của khí hậu, nhất là lượng mưa và mực nước trong hồ. Ngoài ra, độ đục và mức bồi lắng của hồ là bất lợi lớn đối với các quần thể cá và là nhân tố quan trọng làm suy giảm thu nhập của các hộ ngư dân. Cuối cùng, việc tự do đánh bắt cá, việc thực thi pháp luật lỏng lẻo trong quản lý hoạt động đánh bắt, sự gia tăng chi phí nguyên liệu đánh bắt, giá bán, khả năng tiếp cận với thị trường, là những nhân tố ảnh hưởng ý nghĩa đến thu nhập của cộng đồng ngư dân này.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về thu nhập và những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình cũng được thực hiện tương đối đa dạng, chủ yếu tập trung nghiên cứu ở khu vực nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số. Nguyễn Thắng (2011) cung cấp một phân tích mô tả và hồi quy đa biến của nghèo đói ở Việt Nam sử dụng mô hình dữ liệu bảng từ các cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2002, 2004 và 2006. Kết quả phân tích cho thấy, khi một số lượng lớn số hộ gia đình thoát khỏi đói nghèo trong những năm qua, thì vẫn còn nhiều hộ đã không di chuyển xa hơn mức nghèo đói và khoảng một phần mười các hộ gia đình nông thôn dường như bị mắc kẹt trong nghèo đói kinh niên. Tác giả cũng sử dụng mô hình hồi quy để phân tích mối tương quan giữa nghèo đói kinh niên và con đường chuyển đổi nghèo ở khu vực nông thôn. Kết quả ước lượng cho thấy, các điều kiện ban đầu, như quy mô và thành phần hộ gia đình, cho dù các chủ hộ là người dân tộc thiểu số hoặc chưa hoàn thành bậc tiểu học đều có vai trò quan trọng trong bẫy nghèo đói. Ngoài ra, kết quả ước lượng của mô hình “Simultaneous quantile regression models” cũng cho thấy, những người nghèo kinh niên chịu thiệt thòi nhiều hơn bởi vị trí địa lý và tình trạng dân tộc thiểu số.

Tran và các cộng sự (2014) nghiên cứu những nhân tố của đói nghèo trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc Việt Nam đồng thời trên cả hai phương diện: hộ gia đình và xã. Kết quả ước lượng bằng mô hình logistic chỉ ra rằng, một số nhân tố của hộ như tài sản cố định, trình độ giáo dục, đất và lao động ngoài nông nghiệp giúp làm giảm nghèo cả về cường độ lẫn tỷ lệ. Ngoài ra, họ cũng tìm thấy rằng, những đặc trưng xã có mối liên hệ mật thiết với nghèo đói. Đặc biệt, sự hiện hữu của phương tiện giao thông vận tải và các cơ quan bưu điện có thể làm giảm tỷ lệ lẫn cường độ nghèo đói. Tuy nhiên, các nhân tố hộ và xã khác không ảnh hưởng đồng thời lên tỷ lệ hoặc cường độ. Sử dụng mô hình hồi quy đa biến, Tran (2014) lượng hóa các nhân tố tác động đến thu nhập hộ gia đình tại cộng đồng các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Kết quả ước lượng cũng chỉ ra vai trò mấu chốt của trình độ giáo dục, lao động phi nông nghiệp, tài sản cố định trong việc cải thiện thu nhập. Ngoài ra, những đặc trưng cộng đồng như sự hiện hữu của phương tiện giao thông, cơ quan bưu điện, cơ hội nghề nghiệp phi nông nghiệp cũng có tác động ý nghĩa đến thu nhập hộ gia đình.

Nguyễn Trọng Hoài (2005) sử dụng các mô hình kinh tế lượng để phân tích các nhân tố tác động đến nghèo đói và đề xuất xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh Đông Nam Bộ. Trên cơ sở dữ liệu thu thập từ 640 hộ nông dân ở Ninh Thuận và 619 hộ nông dân ở Bình Phước, nhóm tác giả đã sử dụng hàm hồi quy Logistic để ước lượng tác động của các nhân tố này. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, việc làm, dân tộc thiểu số, diện tích đất canh tác, được vay vốn là những nhân tố ảnh hưởng ý nghĩa đến nghèo đói của các hộ nông dân vùng Đông Nam Bộ. Bên cạnh những ưu điểm, nghiên cứu này cũng chỉ sử dụng duy nhất phương pháp logistic để ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến xác suất nghèo của các hộ nông dân, các ước lượng bằng phương pháp bình phương bé nhất (phương pháp OLS) không được sử dụng. Ngoài ra, đối tượng nghiên cứu là nông dân ngành trồng trọt sẽ khác biệt đáng kể so với cộng đồng ngư dân vùng bãi ngang ven biển.

Trần Chí Thiện (2007) nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc vùng núi cao tỉnh Thái Nguyên. Nhóm nghiên cứu đã điều tra 400 hộ gia đình, trong đó nhóm hộ nghèo 199 hộ (58 hộ dân tộc Kinh, 115 dân tộc Tày, 26 dân tộc khác) và 201 hộ không nghèo (69 hộ dân tộc Kinh, 101 hộ dân tộc Tày và 31 hộ dân tộc khác). Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, các nhân tố ảnh hưởng ý nghĩa đến thu nhập của hộ gia đình vùng núi cao tỉnh Thái Nguyên gồm: tuổi bình quân của chủ hộ, học vấn, nhân khẩu, diện tích đất nông nghiệp, phương tiện sản xuất, vốn vay và hoạt động của tổ chức khuyến nông. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng đói nghèo của đồng bào dân tộc miền núi tỉnh Thái Nguyên.

Nghiên cứu sinh kế cộng đồng ngư dân ven biển, Nguyễn Xuân Mai & Nguyễn Duy Thắng (2012) khảo sát 180 hộ thuộc 8 xã ven biển của 3 tỉnh: Thanh Hóa (Bắc Trung Bộ), Khánh Hòa (Nam Trung Bộ) và Sóc Trăng (Đồng bằng sông Cửu Long). Trong đó, người trả lời phỏng vấn là chủ hộ chiếm 80,5%, người dân tộc Khơ-me chiếm 8,8% (ở Sóc Trăng); có 66,7% hộ làm nghề đánh bắt, số còn lại làm nghề hỗn hợp đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, buôn bán, dịch vụ và chế biến thủy sản. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các hộ đánh bắt ven bờ thường là các hộ nghèo, đa số là không có đất hoặc có ít đất sản xuất. Sinh kế của họ phụ thuộc chủ yếu vào các nguồn tài nguyên ven biển, việc làm chính của hầu hết các thành viên có khả năng lao động đều dựa vào khai thác tài nguyên ven bờ trong điều kiện nguồn lợi ngày càng cạn kiệt. Những rủi ro của các hoạt động sinh kế hiện thời biểu hiện tính dễ tổn thương của cộng đồng ngư dân ven biển. Những rủi ro này chủ yếu xuất phát từ các nguồn lực sinh kế (vốn vật chất, vốn tài nguyên, vốn con người, vốn xã hội, vốn tài chính) bị suy giảm và yếu kém. Trên cơ sở đó, các tác giả đã nghiên cứu và xây dựng một số mô hình sinh kế thay thế đánh bắt phù hợp để chuyển đổi nghề cho các hộ ngư dân đánh bắt ven bờ.

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu và mô tả biến

Trên cơ sở khung phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi như sau:

$$Y_i = \alpha_0 + \beta_1 \text{Địa bàn cư trú}_i + \beta_2 \text{Đặc trưng ngành nghề}_i + \beta_3 \text{Nhân khẩu học hộ}_i + \beta_4 \text{Hộ thuộc diện thu hồi đất}_i + \varepsilon_i \quad (1)$$

Trong đó: ε_i : Phần dư của mô hình; i = hộ ngư dân thứ i .

Nhóm biến phụ thuộc:

(Y): phản ánh tổng thu nhập của các hộ gia đình trong năm 2020.

Các nhóm biến độc lập:

Nhóm biến địa bàn cư trú: đây là những biến Dummy phản ánh đặc trưng của các hộ gia đình tại 10 xã thuộc huyện Bình Sơn.

Nhóm biến đặc trưng nghề nghiệp: phản ánh những đặc điểm đặc thù của hoạt động nghề nghiệp của các hộ gia đình. Đây là nhóm các nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của các hộ ngư dân. Chúng tôi sử dụng các biến Dummy để đo lường vai trò của hoạt động sinh kế (nghề nghiệp) ảnh hưởng đến thu nhập: sản xuất nông nghiệp, buôn bán/dịch vụ, làm công nhân tại các nhà máy trong tỉnh, làm công nhân ở ngoại tỉnh. Chúng tôi cũng đưa biến tỷ trọng thu nhập từ hoạt động nông nghiệp trong tổng thu nhập hộ làm thước đo mức độ “ly nông” trong hoạt động sinh kế của hộ gia đình.

Nhóm biến nhân khẩu học hộ gia đình: phản ánh những đặc trưng về nhân khẩu học của các hộ gia đình. Các biến này bao gồm: số thành viên của hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, trình độ học vấn cao nhất trong hộ gia đình, giới tính chủ hộ.

Hộ thuộc diện thu hồi đất: phản ánh tình trạng các hộ bị thu hồi đất bởi dự án NMLD Dung Quất (giai đoạn 1) và các dự án xây dựng khác; các hộ không thuộc diện thu hồi đất. Ngoài ra, biến số tiền đền bù cũng được đưa vào để kiểm tra mối liên hệ giữa thu nhập bất thường từ đền bù do thu hồi đất ở quá khứ có tạo được hoạt động sinh kế cho hộ gia đình hay không.

Bảng 1: Đo lường và mô tả các biến số của mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Danh sách nhóm biến	Diễn giải biến	Ký hiệu biến	Thang đo	Dấu kỳ vọng
Biến phụ thuộc	Log (Tổng thu nhập hộ gia đình năm 2020)	LnTongTN	Triệu đồng/năm	
Nhóm biến về địa bàn cư trú	Các xã thuộc huyện Bình Sơn (Bình Thuận, Bình Trị, Bình Thanh, Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Dương, Bình Phước, Bình Hải)	BINHTHUAN BINHTRI BINHTHANH BINHDONG BINHTHAJNH BINHCHANH BINHDUONG BINHPHUOC BINHHAI	1: xã được chọn; 0: Khác	(+/-)
	Buôn bán	DUMTNBB	1: hộ có thu nhập từ buôn bán; 0: Khác	(+/-)
	Công nhân trong tỉnh	DUMTNCNTT	1: hộ có thu nhập từ làm công nhân trong tỉnh; 0: Khác	(+/-)

Nhóm biến về đặc trưng nghề nghiệp	<i>Công nhân ngoại tỉnh</i>	DUMTNCNNT	1: hộ có thu nhập từ làm công nhân ngoại tỉnh; 0: Khác	(+)
	<i>Tỷ trọng thu nhập nông nghiệp</i>	TYTRONGTNNN	thu nhập từ nông nghiệp/Tổng thu nhập hộ	(+/-)
	Giới tính chủ hộ	GIOITINH	1: chủ hộ là nam; 0: Khác	(+/-)
Nhóm biến nhân khẩu học và đặc trưng kinh tế - xã hội	Trình độ học vấn chủ hộ	TDHOCVAN	Lớp học cao nhất của chủ hộ	(+)
	Tuổi chủ hộ	TUOI	Số tuổi của chủ hộ	(-)
	<i>Số nhân khẩu</i>	SONK	Tổng số khẩu của hộ	(+)
	<i>Số lao động trong hộ</i>	SOLD	Tổng số lao động của hộ	(+/-)
Hộ thuộc diện thu hồi đất	Trình độ học vấn cao nhất trong hộ	TDHVCAONHAT	Trình độ học vấn cao nhất của thành viên trong hộ	(+)
	Hộ diện giải tỏa Dự án NMLD Dung Quất	GIAITOADQ	1: Hộ thuộc diện giải tỏa từ Dự án NMLD Dung Quốc; 0: khác	(+)
	Hộ diện giải tỏa Dự án khác	GIAITOAKHAC	Thang đo Likert 5 bậc với: mức (1) không tốt và mức (5) rất tốt	(+)

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

3.2. Mô tả dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng bộ dữ liệu điều tra 1.700 hộ gia đình tại 9 xã thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 (thuộc nhiệm vụ khoa học công nghệ “Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và khu vực miền Trung nói chung” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ chủ trì. Nhìn chung, quy mô mẫu điều tra là khá lớn, mang tính đại diện cao.

3.3. Phương pháp ước lượng

Đầu tiên, chúng tôi thực hiện Kiểm định các nhân tố khuếch đại phương sai (variance inflation factors/VIF) theo Kennedy (2008) để kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập của các mô hình ước lượng. Kết quả kiểm định cho thấy các mô hình không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến giải thích. Sau đó, chúng tôi tiếp tục thực hiện các kiểm định cần thiết để kiểm tra các giả định của mô hình: kiểm định Breusch-Pagan/Cook-Weisberg (Greene, 2000) được sử dụng để kiểm tra về phương sai sai số thay đổi (Heteroscedasticity). Kết quả các kiểm định cho thấy, các mô hình đều vi phạm giả định phương sai sai số thay đổi, điều này cho phép chúng tôi ước lượng OLS với điều chỉnh phương sai sai số thay đổi trong các mô hình.

4. Kết quả ước lượng và thảo luận

Kết quả ước lượng bằng phương pháp OLS có điều chỉnh phương sai sai số thay đổi chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình huyện Bình Sơn (gồm cả các hộ thuộc diện giải tỏa để thực hiện các dự án công nghiệp). Kết quả ước lượng tại bảng 2 chỉ ra rằng, những đặc

trung của địa bàn cư trú có ảnh hưởng nhất định đến thu nhập của các hộ gia đình. Các hộ gia đình xã Bình Thanh có thu nhập thấp hơn đáng kể so với các xã còn lại; thu nhập của các hộ gia đình xã Bình Thuận và Bình Trị chưa có sự khác biệt so với các xã còn lại. Điều đó cho thấy, hiện tại các hộ gia đình trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của NMLD Dung Quất chưa nhận được sự hưởng lợi lớn từ quá trình phát triển công nghiệp. Đặc biệt, hệ số ước lượng của biến $GiaitoaDQ$ có dấu âm (-) ở mức ý nghĩa từ (1-10%) cho thấy, các hộ gia đình thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án NMLD Dung Quất hiện có thu nhập thấp hơn đáng kể so với các hộ gia đình khác. Nói cách khác, các hộ gia đình này hiện gặp khó khăn trong phát triển sinh kế so với mặt bằng chung ở huyện Bình Sơn. Thực tế điền dã ở các địa phương này cho thấy, đa phần các thành viên thuộc các hộ gia đình diện giải tỏa NMLD giai đoạn 1 đều lớn tuổi, không có đất nông nghiệp để thực hiện sinh kế phù hợp với độ tuổi của mình, do vậy việc nâng cao thu nhập của các hộ này gặp nhiều khó khăn. Nhìn chung, các hộ gia đình diện giải tỏa NMLD giai đoạn 1 chịu thiệt thòi khi “nhường đất” sinh kế nông nghiệp để xây dựng NMLD do mức đền bù theo chính sách nhà nước thời điểm bấy giờ còn thấp, trong khi việc chuyển đổi sinh kế của người dân gặp rất nhiều khó khăn. Kết quả ước lượng này có hàm ý hết sức quan trọng rằng, địa phương và công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) cần quan tâm hơn đến hoạt động hỗ trợ sinh kế cho các hộ gia đình ở khu vực này, nhất là các hộ gia đình diện giải tỏa đền bù NMLD giai đoạn 1, trong đó có các hộ gia đình lớn tuổi gặp khó khăn trong thu nhập và đời sống. Kết quả ước lượng cũng cho thấy, các hộ gia đình thuộc xã Bình Hải, Bình Dương có thu nhập bình quân vượt trội so với các hộ gia đình các xã còn lại. Ngược lại, các hộ gia đình thuộc xã Bình Thạnh có thu nhập bình quân thấp hơn đáng kể so với các hộ gia đình các xã còn lại.

Liên quan đến các nhân tố đặc trưng nghề nghiệp, thu nhập từ hoạt động công nghiệp đóng vai trò then chốt trong tổng thu nhập các hộ gia đình huyện Bình Sơn. Theo đó, thu nhập của hộ có thành viên đi làm công nhân trong và ngoài tỉnh đều vượt trội so với các hộ khác. Đặc biệt, hệ số ảnh hưởng của biến $DUMMYTNCNTT$ cao hơn biến $DUMMYCNNT$, cho thấy rằng, thu nhập từ lao động cho các nhà máy trên địa bàn mang lại thu nhập lớn cho các hộ gia đình địa phương. Như vậy, quá trình công nghiệp hóa trên địa bàn với nền tảng ban đầu là dự án xây dựng NMLD Dung Quất đã tạo cơ hội lớn cho cộng đồng địa phương chuyển đổi mạnh mẽ hoạt động sinh kế từ nông nghiệp sang công nghiệp, qua đó gia tăng thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình. Biến $DUMTNBB$ chỉ đạt mức ý nghĩa 10% ở duy nhất mô hình (2) cho thấy, nhìn chung các hộ có sinh kế buôn bán có sự khác biệt không rõ nét về thu nhập so với các hộ gia đình làm nghề khác. Điều đó cho thấy, phát triển công nghiệp tại Bình Sơn chưa góp phần thúc đẩy đáng kể hoạt động thương mại quy mô hộ gia đình. Đặc biệt, hộ gia đình có sinh kế thuần nông cao có thu nhập thấp hơn rất nhiều so với các hộ khác. Nói cách khác, sinh kế dựa vào nông nghiệp của các hộ gia đình tạo ra thu nhập thấp hơn đáng kể so với sinh kế dựa vào các ngành khác, nhất là so với làm công nhân trong các nhà máy trên địa bàn. Như vậy, sự phát triển của ngành công nghiệp tại Bình Sơn với vai trò đầu tàu của NMLD Dung Quất đã tạo cơ hội chuyển đổi sinh kế mạnh mẽ cho các hộ gia đình theo hướng sinh kế gắn với công nghiệp, qua đó giúp các hộ gia đình tăng thu nhập đáng kể so với sinh kế gắn với nông nghiệp như trước đây.

Liên quan đến các nhân tố nhân khẩu học, kết quả ước lượng chỉ ra rằng, trình độ học vấn của các thành viên hộ, tuổi chủ hộ đều có ảnh hưởng ý nghĩa thống kê đến nâng cao thu nhập hộ gia đình. Trong đó, chủ hộ có trình độ học vấn cao hoặc có thành viên có trình độ học vấn cao đều là nhân tố quan trọng để nâng cao thu nhập hộ. Trong khi đó, chủ hộ tuổi cao thường là nguyên nhân khiến thu nhập hộ thấp. Như vậy, trình độ học vấn luôn là yêu cầu quan trọng trong tuyển dụng lao động của các nhà máy và thu nhập ở cộng đồng địa phương có sự đóng góp lớn của lực lượng lao động trẻ được học hành đầy đủ. Điều này cho thấy, giáo dục và đào tạo là hai nội dung hết sức

quan trọng cần ưu tiên thực hiện để dự nguồn lực lượng lao động cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương, nhất là nâng cao thu nhập cho cộng đồng cư dân địa phương trong trung và dài hạn. Kết quả ước lượng cũng cho thấy, số nhân khẩu, số lao động trong hộ đóng vai trò tạo sự khác biệt trong thu nhập giữa các hộ gia đình. Trong đó, hệ số ảnh hưởng của biến SONK thấp hơn rất nhiều so với biến SOLD, cho thấy hộ nhiều thành viên có hoạt động sinh kế sẽ tạo ra thu nhập nhiều hơn các hộ khác, điều này cũng phản ánh đặc trưng lao động của các hộ gia đình địa phương có trình độ thấp, chủ yếu lao động thủ công nên thu nhập hộ phụ thuộc lớn vào số lượng lao động hộ. Do vậy, các hoạt động hỗ trợ sinh kế của Nhà nước và Công ty BSR cần hướng vào khai thác đặc trưng này để nâng cao thu nhập hộ. Điều thú vị là, biến TIENDENBU có hệ số dương và đạt mức ý nghĩa 1%-10% ở đa số các mô hình cho thấy, các hộ nhận được số tiền đền bù cao trong quá khứ có thu nhập ở hiện tại vượt lên một cách ý nghĩa so với các hộ khác. Điều này hàm ý rằng, người dân nhận tiền đền bù cao tại địa phương có thể đã sử dụng hiệu quả số tiền đền bù trong cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống vật chất cho hộ gia đình.

Bảng 2: Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	LnTongTN	LnTongTN	LnTongTN	LnTongTN	LnTongTN
GIOITINH	-0.0499 (0.153)	-0.0385 (0.276)	-0.0473 (0.202)	-0.0422 (0.227)	-0.0441 (0.237)
TDHOCVAN	0.0175*** (0.003)	0.0202*** (0.001)	0.0174*** (0.004)	0.0196*** (0.001)	0.0191*** (0.001)
TUOI	-0.00694*** (0.000)	-0.00805*** (0.000)	-0.00698*** (0.000)	-0.00500*** (0.003)	-0.00461*** (0.006)
SONK	0.0693*** (0.000)	0.0688*** (0.000)	0.0701*** (0.000)	0.0759*** (0.000)	0.0764*** (0.000)
SOLD	0.303*** (0.000)	0.298*** (0.000)	0.304*** (0.000)	0.296*** (0.000)	0.295*** (0.000)
GIAITOADQ	-0.202*** (0.000)		-0.131* (0.051)	-0.136** (0.011)	-0.0465 (0.506)
TIENDENBU	0.000332*** (0.000)	0.0000596 (0.534)	0.000224** (0.028)	0.000236** (0.015)	0.000184* (0.073)
DUMTNBB	0.0623 (0.135)	0.0792* (0.061)	0.0638 (0.129)	0.0621 (0.145)	0.0609 (0.156)
DUMTNCNTT	0.270*** (0.000)	0.255*** (0.000)	0.270*** (0.000)	0.243*** (0.000)	0.242*** (0.000)
DUMTNCNNT	0.238*** (0.000)	0.258*** (0.000)	0.235*** (0.000)	0.222*** (0.000)	0.212*** (0.000)
TYTRONGTNNN	-0.00561*** (0.000)	-0.00555*** (0.000)	-0.00552*** (0.000)	-0.00576*** (0.000)	-0.00582*** (0.000)
TDHVCAONHAT	0.0156*** (0.001)	0.0163*** (0.001)	0.0161*** (0.001)	0.0183*** (0.000)	0.0189*** (0.000)
GIAITOAKHAC		0.157*** (0.009)	0.0890 (0.204)	0.122* (0.054)	0.152** (0.033)
BINHTHUAN			-0.00619 (0.936)		-0.0362 (0.687)
BINHTRI			-0.00220 (0.977)		-0.0559 (0.554)

BINHTHANH				-0.0906 (0.265)	-0.172* (0.066)
BINHDONG				-0.00881 (0.892)	-0.0406 (0.595)
BINHTHAJNH				-0.118** (0.030)	-0.163** (0.016)
BINHCHANH				0.114 (0.116)	0.0916 (0.240)
BINHDUONG				0.149** (0.032)	0.128* (0.087)
BINHPHUOC				0.0431 (0.477)	0.0213 (0.747)
BINHHAJ				0.180*** (0.007)	0.163** (0.025)
HÀNG SỐ	3.768*** (0.000)	3.756*** (0.000)	3.748*** (0.000)	3.574*** (0.000)	3.579*** (0.000)
R^2	0.627	0.622	0.629	0.638	0.640

p-values in parentheses

* $p < 0.1$, ** $p < 0.05$, *** $p < 0.01$

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Các kết quả ước lượng OLS chỉ ra rằng, những đặc trưng của địa bàn cư trú có ảnh hưởng nhất định đến thu nhập của các hộ gia đình. Liên quan đến các nhân tố đặc trưng nghề nghiệp, thu nhập từ hoạt động công nghiệp đóng vai trò then chốt trong tổng thu nhập các hộ gia đình huyện Bình Sơn. Ngược lại, phát triển công nghiệp tại Bình Sơn chưa thúc đẩy đáng kể hoạt động thương mại quy mô hộ gia đình. Đặc biệt, sinh kế dựa vào nông nghiệp của các hộ gia đình tạo ra thu nhập thấp hơn đáng kể so với sinh kế dựa vào các ngành khác, nhất là so với làm công nhân trong các nhà máy trên địa bàn. Như vậy, sự phát triển của ngành công nghiệp tại huyện Bình Sơn với vai trò đầu tàu của NMLD Dung Quất đã tạo cơ hội chuyển đổi sinh kế mạnh mẽ cho các hộ gia đình theo hướng sinh kế gắn với công nghiệp, qua đó giúp các hộ gia tăng thu nhập đáng kể so với sinh kế gắn với nông nghiệp như trước đây. Liên quan đến các nhân tố nhân khẩu học, kết quả ước lượng chỉ ra rằng, trình độ học vấn của các thành viên hộ, tuổi chủ hộ, số nhân khẩu, số lao động đều có ảnh hưởng ý nghĩa thống kê đến nâng cao thu nhập hộ gia đình.

5.2. Một số hàm ý chính sách

Một là, quá trình công nghiệp hóa trên địa bàn huyện Bình Sơn với nền tảng ban đầu là dự án NMLD Dung Quất đã tạo cơ hội lớn cho cộng đồng địa phương chuyển đổi mạnh mẽ hoạt động sinh kế từ nông nghiệp sang công nghiệp, qua đó gia tăng thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình.

Hai là, giáo dục và đào tạo là hai nội dung hết sức quan trọng cần ưu tiên thực hiện nhằm xây dựng nguồn lực lượng lao động chất lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương, nhất là góp phần nâng cao thu nhập cho cộng đồng cư dân địa phương trong trung và dài hạn.

Ba là, chính quyền địa phương cần phối hợp với công ty BSR thực hiện các hoạt động hỗ trợ sinh kế, an sinh xã hội cho các hộ gia đình ở khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi Dự án NMLD Dung Quất, nhất là đối với các hộ gia đình diện giải tỏa đền bù giai đoạn 1, trong đó có các hộ gia đình lớn tuổi gặp khó khăn trong sinh kế và đời sống.

Bốn là, khi thực hiện giải tỏa đền bù để phục vụ các dự án đầu tư tại địa phương, chính quyền cần quan tâm đến hoạt động hỗ trợ sinh kế cho các hộ gia đình thuộc diện giải tỏa. Điều này sẽ giúp người dân sử dụng hiệu quả hơn khoản tiền đền bù giải tỏa trong chuyển đổi sinh kế tạo thu nhập bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Chaudhuri, S. and Ray, S. (2019). Social and Economic Impact Analysis of Vadinar Refinery of Essar Oil: The Case of a Mega Refinery. *The Indian Economic Journal*, 1-25, doi: 10.1177/0019466219864801
- Cunguara, B., & Kajisa, K. (2008). *Determinants of household income and schooling investments in rice-growing provinces in Mozambique. Rural Poverty and Income Dynamics in Asia and Africa*. 174.
- Dowokpor, V. (2015). *Impact of the Oil and Gas Industry on the Livelihoods of Men and Women Working in the Fisheries: A Study of Shama, Ghana*. University of Bergen.
- Ebebulen, J., Ekpe, D. and Adejumo, T.O. (2013). Oil Exploration and Poverty in the Niger Delta Region of Nigeria: A Critical Analysis. *International Journal of Business and Social Science*. 4(3), 279-287.
- Garoma, D., Admassie, A., Ayele, G., & Beyene, F. (2013). Analysis of determinants of gross margin income generated through fishing activity to rural households around Lake Ziway and Langano in Ethiopia. *Agricultural Sciences*. 4(11), 595.
- Greene, W. H. (2000). *Econometrics Analysis*. Prentice Hall, Upper Saddle River.
- Hà Phương. (2022). Quảng Ngãi thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp. *Báo Kinh tế và Đô Thị online*. <https://kinhtedothi.vn/quang-ngai-hut-dau-tu-vao-kkt-dung-quat-va-cac-kcn.html>
- Kennedy, P. (2008). *A guide to econometrics*. 6th ed., Wiley-Blackwell, Cambridge.
- Krishna, A. (2004). Escaping poverty and becoming poor: who gains, who loses, and why?. *World development*. 32(1), 121-136.
- Nanok, J.K and Onyango, C.O. (2017). A socioeconomic and environmental analysis of the effects of oil exploration on the local community in Lokichar, Turkana County, Kenya. *International Journal of Management, Economics and Social Sciences (IJMESS)*. 6(3), 144-156.
- Nguyen Thang. (2011). *Poverty, Vulnerability and Social Protection in Vietnam: Selected Issues*. VASS - The Gioi Publishers, Hanoi.
- Nguyễn Trọng Hoài. (2005). *Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phân tích các nhân tố tác động đến nghèo đói và đề xuất xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh Đông Nam Bộ*. Đề tài cấp bộ, mã số B2004-22-60TĐ.
- Nguyễn Xuân Mai & Nguyễn Duy Thắng. (2012). Sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển: Thực trạng và giải pháp. *Xã hội học*. 116(4).
- Olale, E., & Henson, S. (2012). Determinants of income diversification among fishing communities in Western Kenya. *Fisheries Research*. 125, 235-242.
- Olale, E., & Henson, S. (2013). The impact of income diversification among fishing communities in Western Kenya. *Food Policy*. 43, 90-99.
- Senadza, B. (2012). Non-farm Income Diversification in Rural Ghana: Patterns and Determinants. *African Development Review*. 24(3), 233-244.
- Sujithkumar, P. S. (2008). Income Diversification in Rural Households: Measurement and Determinants. *The IUP Journal of Agricultural Economics*. (3), 63-71.
- Tấn Việt & Hà Hải. (2019). Có gì bên trong nhà máy lọc dầu Dung Quất? *Báo Pháp luật online*. <https://plo.vn/co-gi-ben-trong-nha-may-loc-dau-dung-quat-post518084.html>
- Trần Chí Thiện. (2007). *Thực trạng và giải pháp xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc vùng núi cao tỉnh Thái Nguyên*. Đề tài cấp Bộ, mã số B2005-I8-04.
- Tran, Q. T, Nguyen, H., S., Vu, V., H, Nguyen, Q. V. (2014). *Determinants of poverty among ethnic minorities in the Northwest region, Vietnam*. MPRA Paper. No. 59144.
- Tran, Q. T. (2014). *What determines household income of ethnic minorities in North-West Mountains, Vietnam: A microeconomic analysis of household surveys*. MPRA Paper. No. 60836.